

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2022/HNGĐ-PT

Ngày: 02-12-2022

“Tranh chấp về HNGĐ -

Về việc chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Minh Tùng;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình- chia tài sản sau khi ly hôn”;

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân TP S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 327/2022/QĐPT-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền: Anh Trần Văn N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số E, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lưu Thị T: Bà Nguyễn Thị Kim L là luật sư của Văn phòng L2, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1.

Người đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh L1 – Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch thành phố Sa Đéc

Địa chỉ: Số A24 – A26, Hùng Vương, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 142B, khóm Tân Mỹ, phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

3. Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số G, Khóm A, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1990

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh Q là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Q ủy quyền cho anh Trần Văn N trình bày:*

Ông Q và bà T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2013 tại UBND phường T, thành phố S. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống, nên ông Q và bà T đã ly hôn theo Quyết định số 111/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Sa Đéc. Khi ly hôn về phần tài sản chung ông Q trình bày không có. Tuy nhiên, nay ông Q xác định trong quá trình sống chung, ông Q và bà T có tạo lập được khối tài sản chung gồm Quyền sử dụng đất thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² và tài sản gắn liền với đất (căn nhà số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp) và một số động sản khác.

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 68 do ông Q nhận chuyển nhượng của ông T2 (không biết rõ họ tên) vào năm 2012, ngày 02/5/2012 ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 79m² thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33. Ngày 11/9/2015, ông Q cấp đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Đến năm 2017, thời gian này ông Q đang chấp hành án phạt tù, bà T đi thăm nuôi và có nói Nhà nước chuẩn bị thu hồi thửa đất 68 để làm đường nên đề nghị ông Q làm thủ tục tặng cho bà T đứng tên để khi nhà nước thu hồi đền bù thì bà T sẽ thay ông Q thực hiện các thủ tục nhận tiền cho thuận tiện.

Do đó, ngày 17/8/2017, tại Trại giam Đ – Thuộc Tổng Cục cảnh Sát Thi Hành án Hình Sự và Hỗ trợ Tư pháp, Bộ C, ông Q đã làm hợp đồng tặng cho bà T thửa đất 68 và tài sản gắn liền với đất (nhà ở). Ngày 31/8/2017, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chỉnh lý trang 4). Việc thỏa thuận tặng cho bà T thửa đất 68 để bà T thực hiện các thủ tục nhận tiền đền bù hai bên chỉ nói miệng, không có làm văn bản.

Mặc dù, làm hợp đồng tặng cho để bà T đứng tên nhưng thửa đất 68 vẫn là tài sản chung của vợ chồng vì thời điểm tặng cho ông Q và bà T chưa ly hôn. Ngoài ra, năm 2020 (sau khi ra tù), ông Q và bà T vẫn tiếp tục chung sống tại căn nhà

tranh chấp trên. Đồng thời ngày 13/3/2020, ông Q và bà T còn ký tên trong hợp đồng tín dụng vay tiền ở Ngân hàng V (phòng G).

Tuy nhiên, đến ngày 07/11/2020 bà T đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 68 và tài sản gắn liền với đất cho con gái bà T là chị Nguyễn Thị Huyền T1 và chị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/11/2020 (chỉnh lý trang 4). Việc bà T chuyển nhượng toàn bộ tài sản trên cho chị T1, phía ông Q không biết. Đến năm 2021, khi ông Q và bà T ly hôn, bà T đuổi ông Q đi thì ông Q mới biết phần nhà, đất trên đã chuyển nhượng cho chị T1.

Nay ông Q yêu cầu chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² (đo đạc thực tế là 75,3m²) và tài sản gắn liền với đất (căn nhà số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp). Ông Q yêu cầu nhận 50% giá trị tài sản tranh chấp theo giá mà hội đồng định giá đã định là 288.679.000đ; Ông Q đồng ý giao cho bà T được quyền quản lý sở hữu toàn bộ tài sản nhà, đất nêu trên. Đồng thời ông Q yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 07/11/2020 giữa bà T và chị Nguyễn Thị Huyền T1. Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị T1 ngày 13/11/2020 (chỉnh lý trang 4) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với số tài sản gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ thao lao; 01 giường gỗ bằng thao lao; 1 bàn kiếng dài bằng gỗ thao lao + 08 ghế gỗ; 01 bộ ghế salon gỗ; 02 tivi; 01 máy phát điện. Các bên đã thỏa thuận phân chia xong nên không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Q không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lưu Thị T trình bày:*

Bà T và ông Q chung sống vợ chồng từ năm 2007, nhưng đến ngày 13/3/2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố S. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn không thể duy trì cuộc sống hôn nhân được nên đã ly hôn theo Quyết định số 111/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2021 của Tòa án Nhân dân Thành phố Sa Đéc. Khi ly hôn, về phần tài sản chung ông Q trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² và tài sản gắn liền với đất (nhà ở), tọa lạc tại số A, khóm T, phường T, thành phố S. Nguồn gốc đất do bà T và ông Q nhận chuyển nhượng của ông T2 (không biết rõ họ tên) vào năm 2012. Ngày 02/5/2012 ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017, thời gian này ông Q đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ C, nhận thấy bà T đi thăm nuôi ông Q cực khổ nên ông Q nhiều lần đề nghị tặng cho bà T thửa đất 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² và tài sản gắn liền với đất (nhà ở). Do đó, ngày 17/8/2017, tại Trại giam Đ, ông Q đã ký hợp đồng tặng cho bà T toàn bộ tài sản nhà đất trên. Hợp đồng tặng cho có chứng thực của Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 31/8/2017, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chỉnh lý trang 4).

Đến ngày 07/11/2020, bà T đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 68 và tài sản gắn liền với đất cho con gái bà T là chị Nguyễn Thị Huyền T1. Ngày 13/11/2020 chị T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chính lý trang 4). Khi bà T chuyển nhượng lại phần đất trên cho chị T1, ông Q có biết nhưng không có ý kiến gì. Ngoài ra, vào tháng 6/2021, ông Q nộp đơn yêu cầu ly hôn bà T, quá trình giải quyết ly hôn ông Q cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Đối với việc ông Q trình bày do Nhà nước chuẩn bị thu hồi thửa đất 68 để làm đường nên bà T đề nghị ông Q làm hợp đồng tặng cho bà T đứng tên để khi nhà nước thu hồi đền bù thì bà T sẽ thay ông Q nhận tiền là không đúng vì từ trước đến nay chưa có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi thửa đất trên.

Nay bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa bà T và chị T1. Vì tài sản tranh chấp đã được ông Q tặng cho vào năm 2017, bà T đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên là tài sản riêng của bà T. Do đó, bà T chuyển nhượng cho chị T1 là hoàn toàn hợp pháp.

Đối với số tài sản gồm: 01 tủ thờ bằng gỗ thao lao; 01 giường gỗ bằng thao lao; 1 bàn kiếng dài bằng gỗ thao lao + 08 ghế gỗ; 01 bộ ghế salon gỗ; 02 tivi; 01 máy phát điện. Các bên đã thỏa thuận phân chia xong nên không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không còn ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Huyền T1 trình bày:

Ngày 07/11/2020, chị T1 nhận chuyển nhượng của bà T thửa đất 68 và tài sản gắn liền với đất (nhà ở). Ngày 13/11/2020, chị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chính lý trang 4). Việc chị T1 nhận chuyển nhượng đất và được cơ quan thẩm quyền cấp giấy là hợp pháp. Do đó, chị T1 cũng không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa chị T1 và bà T; thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn P ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Huyền T1 trình bày: Anh P thống nhất theo lời trình bày cũng như ý kiến của chị T1, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, anh P không còn ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 trình bày:

Chị T1 và anh P có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 theo hợp đồng tín dụng số 3337668.22 ngày 19/01/2020 số tiền là 650.000.000đ và hợp đồng tín dụng số 2228414.22 ngày 29/3/2022 số tiền là 2.900.000.000đ. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, thì chị T1 và anh P có thể chấp nhiều tài sản gồm

quyền sử dụng gồm thửa 77 tờ bản đồ 08; Thửa 14 tờ bản đồ 04; Thửa 841 tờ bản đồ 04 và thửa 68 tờ bản đồ 33 (là phần tài sản hiện nay các bên đang tranh chấp).

Nay ông Q yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu được nhận 50% giá trị nên ngân hàng không có ý kiến gì, không tranh chấp yêu cầu chị T1 và anh P phải trả nợ vay, để các bên tự thỏa thuận, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Trong trường hợp ông Q yêu cầu chia tài sản chung là hiện vật (nhận nhà đất), thì phía ngân hàng sẽ yêu cầu anh P và chị T1 phải tất toán nợ vay cho ngân hàng theo quy định.

Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến gì khác.

- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79 m² và tài sản gắn liền với đất.

- Ông Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm di dời tài sản cá nhân (nếu có) để giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T1 được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 33, tại khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nguyễn Thị Huyền T1 ngày 13/11/2020 (chính lý trang 4). Hiện chị T1 và bà T đang quản lý.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 06/6/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền xem xét thẩm định và thời hạn kháng cáo của các đương sự;

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 07/07/2022 của Tòa án nhân dân Thành Phố S;

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Giữ nguyên nội dung kháng cáo;

+ Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q; Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q đối với bà Lưu Thị T nên được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình- chia tài sản sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Q là nguyên đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án T3 thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Q về việc không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm: yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông đối với nhà và đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 33 tại khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về nguồn gốc thửa đất:

Ông Q và bà T đều thống nhất xác định thửa đất 68 tờ bản đồ 33 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông T2 (nhưng trên hợp đồng chuyển nhượng do ông Q ký với bà Nguyễn Thị Bích T4 và đã được Ủy ban thị xã S (nay là thành phố S) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Q vào ngày 02/5/2012.

- Về quá trình sử dụng đất:

Năm 2015, do ông Q đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương nên làm giấy ủy quyền cho bà T để làm thủ tục cấp đổi giấy. Đến ngày 11/9/2015, ông Q được Ủy ban thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở).

Đến ngày 17/8/2017, tại Trại giam Đ – Bộ C, ông Q đã ký hợp đồng tặng cho bà T thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² (đo đạc thực tế là 75,3m²) và tài sản gắn liền với đất (là căn nhà số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp). Hợp đồng tặng cho có công chứng chứng thực của Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 31/8/2017, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chỉnh lý trang 4). Như vậy, theo quy định của pháp luật hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký;

Qua đó cho thấy, phần đất tranh chấp ông Q đã tặng cho bà T, bà T đã đăng ký quyền sử dụng, sở hữu tài sản vào ngày 31/8/2017 nên không còn là tài sản chung của ông Q, bà T trong thời kỳ hôn nhân.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết về việc xin ly hôn giữa ông Q và bà T vào năm 2021 thì trong phần tài sản chung: ông Q, bà T đều xác định là không có, không yêu cầu giải quyết.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79m² (đo đạc thực tế là 75,3m²) và tài sản gắn liền với đất (là căn nhà số A, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp) của ông Q là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q còn kháng cáo yêu cầu chia giá trị hàng rào tại căn nhà nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của ông Q đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án Thành phố S.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Ông Q là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Q không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59, 116 Luật HNGĐ; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Q;

2. Giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2022/HNGĐ-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân TP. S;

*** Tuyên xử:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Q về việc yêu cầu chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất thuộc thửa 68 tờ bản đồ 33 diện tích 79 m² và tài sản gắn liền với đất.

- Ông Nguyễn Thanh Q có trách nhiệm di dời tài sản cá nhân (nếu có) để giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T1 được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu nhà và đất thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 33, tại khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nguyễn Thị Huyền T1 ngày 13/11/2020 (chính lý trang 4). Hiện chị T1 và bà T đang quản lý.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 06/6/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh Q được miễn nộp án phí (do là người cao tuổi).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Thanh Q phải chịu toàn bộ số tiền là 4.013.530đ. Ông Q đã nộp đủ và đã chi xong.

- Về án phí phúc thẩm: ông Q được miễn nộp theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh